| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>PHƯỜNG LINH SƠN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 01/2026/QĐ-UBND | *Linh Sơn, ngày 10 tháng 8 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 97/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ quy định về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội phường Linh Sơn tại Tờ trình số 404/TTr-VHXH ngày 24 tháng 7 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân phường ban hành Quyết định ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường Linh Sơn.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2026.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 303/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của Uỷ ban nhân dân phường Đồng Bẩm về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường Đồng Bẩm;

b) Quyết định số 344/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của Uỷ ban nhân dân phường Chùa Hang về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường Chùa Hang;

c) Quyết định số 44/2025/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 của Uỷ ban nhân dân xã Cao Ngạn về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã Cao Ngạn;

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Ủy ban nhân dân phường Linh Sơn; 30 Tổ dân phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Anh Tuấn**

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>PHƯỜNG LINH SƠN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

# QUY CHẾ
## Thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 20/8/2026 của Ủy ban nhân dân phường Linh Sơn)*

## Chương I
## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường Linh Sơn làm cơ sở để công dân kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

### Điều 2. Nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Bảo đảm quyền của công dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Thực hiện dân chủ ở cơ sở trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của chính quyền địa phương cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động.

4. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở.

6. Tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

### Điều 3. Phạm vi thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Mọi công dân cư trú trên địa bàn phường Linh Sơn thực hiện quyền làm chủ của mình theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và Quy chế này.

2. Công dân là cán bộ, công chức, người lao động đồng thời thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị nơi mình công tác.

**Điều 4. Quyền của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Được công khai thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Đề xuất sáng kiến, tham gia ý kiến, bàn và quyết định đối với các nội dung thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ cơ sở và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Kiểm tra, giám sát, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

4. Được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp trong thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

**Điều 5. Nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tham gia ý kiến về các nội dung được đưa ra lấy ý kiến ở cơ sở theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, các quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định của Quy chế này.

3. Chấp hành quyết định của cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Kịp thời kiến nghị, phản ánh, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, lợi ích của Nhà nước trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở.

**Điều 6. Quyền thụ hưởng của công dân**

1. Được Nhà nước và pháp luật công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội; được bảo đảm thực hiện các quyền về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về các quyền và lợi ích hợp pháp của mình; về chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo quy định của pháp luật và quyết định của chính quyền địa phương nơi cư trú.

3. Được thụ hưởng thành quả đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, chính sách an sinh xã hội, sự an toàn, ổn định của đất nước, địa phương và kết quả thực hiện dân chủ ở nơi cư trú.

4. Được tạo điều kiện tham gia học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của bản thân, gia đình và cộng đồng.

**Điều 7. Các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; nâng cao nhận thức cộng đồng về việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn phường; phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện và bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các gương điển hình, có nhiều thành tích trong việc phát huy và tổ chức thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; phát hiện và xử lý nghiêm cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số.

**Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Gây khó khăn, phiền hà, cản trở, đe dọa công dân thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Bao che, cản trở, trù dập hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; tiết lộ thông tin về người tố cáo, người cung cấp thông tin về hành vi vi phạm có liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để thực hiện hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để xuyên tạc, vu khống, gây mâu thuẫn, kích động bạo lực, phân biệt đối xử về vùng, miền, giới tính, tôn giáo, dân tộc; gây thiệt hại cho cá nhân, cơ quan, đơn vị, tổ chức.

5. Giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc sử dụng thủ đoạn khác làm sai lệch kết quả bàn, quyết định, tham gia ý kiến của công dân.

## Chương II
## NỘI DUNG THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở PHƯỜNG
### Mục 1
### CÔNG KHAI THÔNG TIN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG Ở PHƯỜNG

**Điều 9. Những nội dung chính quyền địa phương phải công khai**

Trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, chính quyền địa phương phải công khai các nội dung sau đây:

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hằng năm của phường và kết quả thực hiện;

2. Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của Ủy ban nhân dân phường trình Hội đồng nhân dân phường; dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được Hội đồng nhân dân phường quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách phường định kỳ theo quý, 06 tháng, hằng năm; quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác đã được Hội đồng nhân dân phường phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có);

3. Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn phường và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn phường; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do phường quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của phường; quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và các quy hoạch khác trên địa bàn phường theo quy định của pháp luật;

4. Quy chế thực hiện dân chủ ở phường; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức phường; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong chính quyền địa phương; các nội dung liên quan đến thực hiện dân chủ ở tổ dân phố theo quy định của pháp luật;

5. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án trên địa bàn phường; các khoản huy động Nhân dân đóng góp;

6. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công do phường quản lý; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công của chính quyền địa phương;

7. Chủ trương, chính sách, kế hoạch, tiêu chí, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, trợ cấp, tín dụng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội khác được tổ chức triển khai trên địa bàn phường; Danh sách hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; Kết quả bình xét danh hiệu văn hóa.

8. Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian, thủ tục thực hiện phân phối các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa hoặc để hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn phường; việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho các đối tượng trên địa bàn phường;

9. Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn phường;

10. Kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đối với cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật; kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân phường, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân phường;

11. Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân, nội dung lấy ý kiến, kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những nội dung chính quyền địa phương đưa ra lấy ý kiến Nhân dân quy định tại Điều 23 của Quy chế này;

12. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền địa phương trực tiếp thu;

13. Các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do chính quyền địa phương trực tiếp thực hiện;

14. Nội dung khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

**Điều 10. Hình thức và thời điểm công khai thông tin**

1. Các hình thức công khai thông tin bao gồm:

a) Niêm yết thông tin;

b) Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của phường;

c) Phát tin trên hệ thống truyền thanh của Tổ dân phố (nếu có);

d) Thông qua Tổ trưởng Tổ dân phố để thông báo đến nhân dân;

đ) Gửi văn bản đến công dân;

e) Thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân phường với Nhân dân;

g) Thông qua việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật;

h) Thông báo đến tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức hội quần chúng trên địa bàn phường để tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên và nhân dân;

i) Thông qua mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại phường;

k) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ ở phường.

2. Thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về nội dung cần công khai, Uỷ ban nhân dân phường phải tổ chức công khai thông tin.

**Điều 11. Lựa chọn hình thức công khai thông tin**

1. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm đăng tải trên Trang thông tin điện tử của phường thông tin quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm niêm yết thông tin quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 9 của Quy chế này tại Trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng. Thời gian niêm yết bảng tin ít nhất là 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thông tin quy định tại khoản 4 và khoản 13 Điều 9 của Quy chế này phải được niêm yết thường xuyên tại Trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường và được cập nhật khi có sự thay đổi. Danh sách các nội dung đã được thực hiện công khai kèm theo hình thức, thời gian thực hiện được lập, cập nhật theo từng quý và niêm yết tại Trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, tại nhà văn hóa, các điểm sinh hoạt cộng đồng (nếu có).

3. Thông tin quy định tại các khoản 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 9 của Quy chế này được công khai trên hệ thống truyền thanh (nếu có) của tổ dân phố trong thời hạn ít nhất là 03 ngày liên tục.

4. Các thông tin được công khai tại khoản 3 Điều này được gửi đến tổ trưởng các tổ dân phố trên địa bàn để thông báo đến Nhân dân. Việc thông báo thông tin đến Nhân dân quy định tại khoản này được thực hiện thông qua một hoặc nhiều hình thức, gồm thông báo tại cuộc họp của cộng đồng dân cư, cuộc họp, sinh hoạt của tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức, đoàn thể khác; thông báo trực tiếp hoặc gửi văn bản thông báo đến từng hộ gia đình; thông qua tin nhắn đến đại diện hộ gia đình hoặc sử dụng mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật và đã được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn.

5. Cùng với việc thực hiện công khai thông tin bằng các hình thức quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, Ủy ban nhân dân phường có thể quyết định lựa chọn thêm các hình thức công khai bảng tin khác quy định tại khoản 1 Điều 10 của Quy chế này phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, bảo đảm để Nhân dân tiếp cận thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, thuận lợi.

6. Trường hợp pháp luật có quy định khác về hình thức, cách thức thực hiện công khai đối với nội dung bảng tin cụ thể thì áp dụng theo quy định đó.

**Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin**

1. Ủy ban nhân dân phường có kế hoạch thực hiện việc công khai thông tin, trong đó nêu rõ nội dung thông tin cần công khai, hình thức công khai, thời điểm, thời hạn công khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin đối với những thông tin thuộc trường hợp phải công khai nhưng chưa được công khai, thông tin đã hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được.

3. Ủy ban nhân dân phường tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân phường về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung công khai thông tin tại kỳ họp thường lệ gần nhất; đồng thời gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường để giám sát.

## Mục 2
## NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH

### Điều 13. Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định

1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn phường do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

2. Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.

3. Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

4. Bầu, cho thôi làm Tổ trưởng tổ dân phố.

5. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

6. Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

### Điều 14. Đề xuất nội dung để Nhân dân bàn và quyết định

1. Đối với các nội dung có phạm vi thực hiện trên địa bàn phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường quyết định nội dung, lựa chọn hình thức và chỉ đạo, hướng dẫn tổ trưởng tổ dân phố tổ chức để Nhân dân bàn và quyết định.

2. Đối với các nội dung chỉ có phạm vi thực hiện trong tổ dân phố, tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận tổ dân phố đề xuất nội dung để cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

3. Công dân cư trú tại tổ dân phố có sáng kiến đề xuất về các nội dung quy định tại Điều 13 của Quy chế này và được ít nhất 10% tổng số hộ gia đình tại tổ dân phố đồng thuận thì gửi đề xuất đến Tổ trưởng tổ dân phố để đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định, nếu nội dung đề xuất không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

Trường hợp sáng kiến của công dân chưa có đủ 10% tổng số hộ gia đình tại tổ dân phố đồng thuận nhưng xét thấy có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư và được Ban công tác Mặt trận tổ dân phố tán thành thì Tổ trưởng tổ dân phố đưa ra để cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

Việc thu thập ý kiến đồng thuận của các hộ gia đình có thể thực hiện trực tiếp tại cuộc họp cộng đồng dân cư, bằng văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của đại diện hộ gia đình hoặc bằng hình thức thể hiện ý kiến khác phù hợp với điều kiện thực tế tại cộng đồng dân cư. Công dân có sáng kiến chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số lượng và danh sách hộ gia đình đồng thuận. Ý kiến đồng thuận với sáng kiến của công dân có giá trị trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thể hiện ý kiến

**Điều 15. Hình thức Nhân dân bàn và quyết định**

1. Tùy theo nội dung được đề xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường hoặc Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức để Nhân dân bàn và quyết định bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;

b) Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình;

c) Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn.

2. Việc bàn, quyết định các nội dung quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 13 của Quy chế này phải được thực hiện tại cuộc họp của cộng đồng dân cư, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 17 của Quy chế này. Hình thức phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình được thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 17 của Quy chế này.

Hình thức biểu quyết trực tiếp chỉ áp dụng trong trường hợp cộng đồng dân cư quyết định các công việc quy định tại khoản 6 Điều 13 của Quy chế này mà tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với Ban công tác Mặt trận thấy không cần thiết tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư hoặc phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình.

3. Trường hợp pháp luật có quy định khác về việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định thì thực hiện theo quy định đó.

**Điều 16. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư**

1. Cuộc họp của cộng đồng dân cư do Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì tổ chức; trường hợp cuộc họp để bầu, cho thôi làm Tổ trưởng tổ dân phố thì thực hiện theo quy định của Chính phủ. Trường hợp khuyết Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chỉ định đại diện Ban công tác Mặt trận tổ dân phố triệu tập và tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư. Thành phần tham dự cuộc họp của cộng đồng dân cư gồm đại diện các hộ gia đình trong tổ dân phố, Tổ trưởng tổ dân phố, Ban công tác Mặt trận tổ dân phố và các thành phần khác theo quy định (nếu có)

2. Đại diện hộ gia đình là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có khả năng đại diện được cho các thành viên hộ gia đình; trường hợp hộ gia đình không có người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì đại diện hộ gia đình là người được các thành viên hộ gia đình thống nhất đề cử hoặc ủy nhiệm.

3. Trường hợp tổ dân phố có từ 300 hộ gia đình trở lên hoặc có địa bàn dân cư sinh sống không tập trung. Tổ trưởng tổ dân phố có thể ủy quyền cho thành viên Ban công tác Mặt trận tổ dân phố hoặc một công dân có uy tín cư trú tại tổ dân phố chủ trì, điều hành cuộc họp của cụm dân cư và báo cáo kết quả với tổ trưởng tổ dân phố để tổng hợp vào kết quả chung của tổ dân phố .

4. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư được thực hiện như sau:

a) Người chủ trì cuộc họp tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người để cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký;

b) Người chủ trì cuộc họp trình bày những nội dung đưa ra để xem xét, thảo luận tại cuộc họp;

c) Những người tham gia cuộc họp thảo luận;

d) Người chủ trì cuộc họp tổng hợp chung các ý kiến thảo luận tại cuộc họp; đề xuất các nội dung và phương án biểu quyết đối với các nội dung đã được thảo luận. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do người tham dự cuộc họp quyết định. Trường hợp bỏ phiếu kín thì cuộc họp bầu ra Ban kiểm phiếu để thực hiện việc tổ chức bỏ phiếu kín;

đ) Người chủ trì cuộc họp công bố kết quả biểu quyết và kết luận cuộc họp.

**Điều 17. Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình**

1. Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đến từng hộ gia đình để lấy ý kiến biểu quyết về các nội dung có phạm vi thực hiện trong tổ dân phố hoặc trong địa bàn phường đối với các trường hợp sau đây:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định lựa chọn hình thức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình đối với nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn phường;

b) Cộng đồng dân cư đã tổ chức cuộc họp mà không có đủ đại diện của số hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 19 của Quy chế này;

c) Các trường hợp khác do Tổ trưởng tổ dân phố quyết định sau khi đã thống nhất với Ban công tác Mặt trận tổ dân phố.

2. Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận tổ dân phố xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến; thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 03 đến 05 thành viên và thông báo đến Nhân dân về nội dung lấy ý kiến, thời điểm, thời hạn lấy ý kiến, thành phần Tổ phát phiếu lấy ý kiến chậm nhất là 02 ngày trước ngày thực hiện việc phát phiếu lấy ý kiến.

3. Mỗi hộ gia đình được phát 01 phiếu lấy ý kiến. Tổ phát phiếu có nhiệm vụ gửi phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình, tổ chức thu phiếu theo đúng thời hạn đã được xác định và tổng hợp đầy đủ, chính xác, khách quan kết quả lấy ý kiến.

**Điều 18. Quyết định của cộng đồng dân cư**

1. Quyết định của cộng đồng dân cư được thể hiện bằng văn bản dưới hình thức nghị quyết, biên bản cuộc họp, bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể về hình thức văn bản thì Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn hình thức văn bản của cộng đồng dân cư phù hợp với nội dung quyết định và phong tục, tập quán, điều kiện thực tế của cộng đồng dân cư sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận tổ dân phố.

2. Quyết định của cộng đồng dân cư gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thời gian cộng đồng dân cư bàn và quyết định;

b) Tổng số hộ gia đình thuộc cộng đồng dân cư; số người đại diện hộ gia đình có mặt; số hộ gia đình không có người đại diện tham dự;

c) Nội dung cộng đồng dân cư bàn;

d) Hình thức cộng đồng dân cư quyết định;

đ) Kết quả biểu quyết tại cuộc họp hoặc tổng hợp phiếu lấy ý kiến, kết quả biểu quyết trực tuyến của hộ gia đình;

e) Nội dung quyết định của cộng đồng dân cư;

g) Chữ ký của Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận tổ dân phố và 02 đại diện hộ gia đình.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày cộng đồng dân cư tổ chức họp biểu quyết hoặc kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến bằng phiếu, biểu quyết trực tuyến, quyết định của cộng đồng dân cư đã được thông qua phải được gửi đến Ủy ban nhân dân phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường.

**Điều 19. Hiệu lực của quyết định của cộng đồng dân cư**

1. Đối với quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trên địa bàn phường, được thông qua khi có từ hai phần ba tổng số tổ dân phố trở lên tán thành. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trong tổ dân phố được thông qua khi có từ hai phần ba tổng số đại diện hộ gia đình trở lên trong tổ dân phố tán thành. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 13 của Quy chế này được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong tổ dân phố tán thành.

2. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại các khoản 1, 2 và 6 Điều 13 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trong tổ dân phố có hiệu lực kể từ ngày được cộng đồng dân cư thông qua.

a. Đối với quyết định của cộng đồng  dân cư về nội dung quy đinhn tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Quy chế này có phạm vi thực hiện trên địa bàn phường, thời điểm có hiệu lực do Ủy ban nhân dân phường quyết định trên cơ sở tổng hợp kết quả biểu quyết của cộng đồng dân cư.

b. Đối với quyết định của cộng đồng dân cư về các nội dung quy định tại khoản 3,4 Điều 13 của Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Uỷ ban nhân dân phường ban hành quyết định công nhận.

c. Đối với quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 5 Điều 13 của Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường ban hành quyết định công nhận.

d. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của cộng đồng dân cư, Uỷ ban nhân dân phường, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường phải ban hành quyết định công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 20. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư**

1. Quyết định của cộng đồng dân cư được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ trong các trường hợp sau đây:

a) Có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội;

b) Việc thông qua quyết định không bảo đảm trình tự, thủ tục theo quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Cộng đồng dân cư xét thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ để phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

2. Ủy ban nhân dân phường quyết định bãi bỏ quyết định của cộng đồng dân cư đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, Ủy ban nhân dân phường quyết định bãi bỏ hoặc đề nghị cộng đồng dân cư sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định cho phù hợp.

Quyết định bãi bỏ hoặc văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định của cộng đồng dân cư được gửi đến Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến Nhân dân và đồng thời gửi Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường để thực hiện giám sát.

3. Cộng đồng dân cư tự mình quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định của mình khi xét thấy cần thiết hoặc thực hiện theo đề nghị của Ủy ban nhân dân phường theo trình tự, thủ tục quy định tại các điều 17, 18, 19 và 20 của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 21. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư**

1. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trên địa bàn phường; tổ chức thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư có phạm vi thực hiện trên địa bàn phường; kiểm tra, theo dõi việc tổ chức thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư có phạm vi thực hiện trong tổ dân phố.

Ủy ban nhân dân phường tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân phường về việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trên địa bàn phường tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường để giám sát.

2. Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm công khai kết quả biểu quyết hoặc kết quả tổng hợp phiếu lấy ý kiến của Nhân dân trong tổ dân phố; tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư; báo cáo kết quả thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư đến Nhân dân trong tổ dân phố và Ủy ban nhân dân phường.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện các nội dung do Nhân dân bàn, quyết định theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

**Điều 22. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia bàn, quyết định các nội dung, công việc ở cơ sở**

1. Công dân, hộ gia đình có trách nhiệm quan tâm đến công việc chung của cộng đồng dân cư; tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham gia họp bàn, thảo luận, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong tổ dân phố, trên địa bàn phường; thực hiện nghiêm túc các nội dung thuộc trách nhiệm đã được cộng đồng dân cư quyết định.

2. Đại diện hộ gia đình có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của cộng đồng dân cư; tập hợp, nắm bắt ý kiến của các thành viên trong hộ gia đình để phản ánh, tham gia thảo luận tại cuộc họp hoặc thể hiện trên phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; phổ biến, truyền đạt lại cho các thành viên trong hộ gia đình về kết quả bàn, thảo luận, quyết định của cộng đồng dân cư. Trường hợp thành viên hộ gia đình có ý kiến khác với ý kiến của đại diện hộ gia đình thì được tham dự cuộc họp của cộng đồng dân cư để thể hiện ý kiến, quan điểm của mình tại cuộc họp.

3. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức ở phường và ở tổ dân phố có trách nhiệm tích cực, gương mẫu tham gia bàn và quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong tổ dân phố, trên địa bàn phường; thực hiện nghiêm túc và tuyên truyền, vận động gia đình, cộng đồng thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư.

4. Trường hợp nhận thấy quyết định của cộng đồng dân cư không bảo đảm trình tự, thủ tục hoặc có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội, công dân có quyền kiến nghị, phản ánh đến Ủy ban nhân dân phường, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường và Ban Thanh tra nhân dân.

## Mục 3
## NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN

**Điều 23. Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định**

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của phường; các chương trình, đề án, phương án phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến quyền, lợi ích của Nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất cấp phường và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho Ủy ban nhân dân phường quản lý.

3. Chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các nội dung khác liên quan trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

4. Dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính; dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, đặt tên, đổi tên tổ dân phố.

5. Dự thảo quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân phường có liên quan đến lợi ích cộng đồng, bao gồm quyết định ban hành hoặc phê duyệt chương trình, kế hoạch, dự án, đề án có nội dung tác động đến môi trường, sức khỏe cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội và các vấn đề khác có ảnh hưởng đến cộng đồng.

6. Dự thảo nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật.

7. Dự thảo Quy chế thực hiện dân chủ ở phường; dự thảo quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể của phường (nếu có).

8. Dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành là công dân trên địa bàn phường.

9. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi chính quyền phường xét thấy cần thiết phải lấy ý kiến.

**Điều 24. Hình thức Nhân dân tham gia ý kiến**

1. Việc lấy ý kiến Nhân dân được thực hiện thông qua một hoặc nhiều hình thức sau đây:

a) Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân phường với Nhân dân;

b) Cuộc họp của cộng đồng dân cư;

c) Phát phiếu lấy ý kiến đến hộ gia đình hoặc cá nhân có liên quan;

d) Thông qua hòm thư góp ý, đường dây nóng (nếu có);

đ) Thông qua Ban Công tác Mặt trận ở tổ dân phố và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở;

e) Thông qua Trang thông tin điện tử của Uỷ ban nhân dân phường;

g) Thông qua các nền tảng mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật do Uỷ ban nhân dân phường quản lý hoặc sử dụng để phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, phù hợp với điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin của địa phương;

h) Tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp đối với các nội dung theo quy định tại khoản 8 Điều 23 của Quy chế này.

2. Căn cứ nội dung, tính chất, yêu cầu của việc lấy ý kiến, điều kiện thực tế của địa phương và quy định của Quy chế này, Ủy ban nhân dân phường quyết định lựa chọn một hoặc nhiều hình thức quy định tại khoản 1 Điều này để tổ chức lấy ý kiến Nhân dân.

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định cụ thể về hình thức, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhân dân đối với từng nội dung thì việc tổ chức lấy ý kiến, tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

**Điều 25. Việc tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành trong trường hợp Ủy ban nhân dân phường ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành**

1. Trước khi ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp của công dân là đối tượng thi hành, trừ quyết định hành chính có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước và quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm thông báo, cung cấp thông tin cần thiết và tạo điều kiện để công dân là đối tượng thi hành quyết định hành chính được biết, nghiên cứu và trình bày ý kiến nếu có yêu cầu.

Công dân là đối tượng thi hành quyết định hành chính được trực tiếp trình bày ý kiến hoặc ủy quyền cho người đại diện theo quy định của pháp luật để trình bày ý kiến.

2. Trường hợp quyết định hành chính áp dụng đối với nhiều đối tượng hoặc xét thấy cần thiết, Ủy ban nhân dân phường tổ chức hoặc quyết định tổ chức cuộc họp đối thoại, lấy ý kiến trực tiếp của các công dân là đối tượng thi hành quyết định hành chính.

Thành phần tham dự cuộc họp gồm đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường; đại diện Ban Thanh tra nhân dân (nếu có); đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan và các công dân là đối tượng thi hành quyết định hành chính.

Việc đối thoại, lấy ý kiến phải được lập biên bản, ghi nhận đầy đủ các ý kiến phát biểu và được lưu cùng hồ sơ ban hành quyết định hành chính.

3. Ý kiến của công dân là đối tượng thi hành và ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải được tổng hợp đầy đủ, khách quan; việc tiếp thu hoặc không tiếp thu ý kiến phải được giải trình rõ lý do.

Nội dung tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến được gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định và được lưu trong hồ sơ ban hành quyết định hành chính.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường hoặc người có thẩm quyền ban hành quyết định hành chính chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, trình tự, thủ tục và quyết định hành chính do mình ban hành.

**Điều 26. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến**

1. Ủy ban nhân dân phường xây dựng kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với các nội dung quy định tại Điều 23 của Quy chế này thuộc thẩm quyền quyết định của phường; trong kế hoạch phải xác định rõ nội dung lấy ý kiến, đối tượng, hình thức, thời gian, cách thức tổ chức thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Trường hợp lấy ý kiến Nhân dân đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên, Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện theo kế hoạch, yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân phường chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức thực hiện kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân.

Thời gian lấy ý kiến Nhân dân tối thiểu là 20 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân; tổ chức nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến tham gia đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của phường.

Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân phường hoặc cơ quan nhà nước cấp trên, Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm tổng hợp đầy đủ ý kiến của Nhân dân, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

Kết quả tổng hợp, nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân phải được công khai theo quy định của pháp luật.

4. Đối với những nội dung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao lấy ý kiến Nhân dân, Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến, tổng hợp đầy đủ, khách quan và báo cáo kết quả về cơ quan có thẩm quyền đúng thời hạn.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Nhân dân; trường hợp quyết định khác với ý kiến của đa số Nhân dân thì phải giải trình, nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật.

Nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân được gửi đến Ủy ban nhân dân phường để công khai đến Nhân dân theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân phường tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp thường lệ gần nhất về tình hình tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và kết quả tiếp thu, giải trình, thực hiện các nội dung Nhân dân tham gia ý kiến; đồng thời gửi báo cáo đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường để thực hiện giám sát.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường phối hợp với Ủy ban nhân dân phường trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân; phối hợp tổ chức các hội nghị đối thoại giữa chính quyền với Nhân dân; hướng dẫn, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với các nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm của Mặt trận theo quy định của pháp luật.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường thực hiện giám sát việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân; việc tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành trước khi ban hành quyết định hành chính theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này; đồng thời giám sát việc giải trình, tiếp thu ý kiến và công khai kết quả thực hiện đối với các nội dung Nhân dân tham gia ý kiến.

**Điều 27. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến về các nội dung ở phường**

1. Cán bộ, công chức, viên chức và mọi công dân cư trú trên địa bàn phường có trách nhiệm tích cực tham gia ý kiến về những nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư để làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, của đất nước.

2. Cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham dự các cuộc họp, hội nghị, đối thoại, thảo luận và tham gia ý kiến đối với các nội dung được lấy ý kiến theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện quyền và trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

3. Công dân có quyền và trách nhiệm theo dõi, đánh giá, giám sát việc tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân trên địa bàn đối với những nội dung đã được đưa ra lấy ý kiến và quá trình tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung này.

4. Việc tham gia ý kiến của Nhân dân phải bảo đảm khách quan, trung thực, đúng quy định của pháp luật; không lợi dụng việc tham gia ý kiến để xuyên tạc, vu khống, gây mất đoàn kết, cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

## Mục 4
## NHÂN DÂN KIỂM TRA, GIÁM SÁT
### Tiểu mục 1
### NỘI DUNG, HÌNH THỨC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

**Điều 28. Nội dung kiểm tra, giám sát**

1. Công dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định quy định tại Điều 13 của Quy chế.

2. Công dân giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương, cán bộ, công chức phường, người hoạt động không chuyên trách ở phường, tổ dân phố.

**Điều 29. Hình thức kiểm tra, giám sát**

1. Công dân trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua:

a) Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư;

b) Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức phường, người hoạt động không chuyên trách phường và người dân ở cộng đồng dân cư;

c) Tiếp cận các thông tin được công khai; các thông tin, báo cáo của chính quyền địa phương, cán bộ, công chức phường, người hoạt động không chuyên trách ở phường, tổ dân phố, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý hoặc thực hiện các nội dung Nhân dân đã bàn và quyết định;

d) Tham dự hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân phường với Nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân; hội nghị định kỳ và các cuộc họp khác của cộng đồng dân cư.

2. Công dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân phường, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật.

3. Việc kiểm tra, giám sát của Nhân dân được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân và không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

**Điều 30. Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân phường với Nhân dân**

1. Hằng năm, Ủy ban nhân dân phường chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường tổ chức ít nhất 01 hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân trên địa bàn để thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hoạt động của chính quyền địa phương; lắng nghe ý kiến, kiến nghị, phản ánh của Nhân dân và trao đổi, giải đáp những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của công dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Trường hợp cần thiết hoặc khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định tổ chức hội nghị đối thoại ngoài kế hoạch.

2. Nội dung, thành phần, trình tự, thủ tục và hình thức tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân phường với Nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Ý kiến, kiến nghị của Nhân dân tại hội nghị đối thoại phải được ghi nhận, tổng hợp, xem xét, giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định. Kết quả giải quyết, tiếp thu, giải trình các ý kiến, kiến nghị của Nhân dân được công khai bằng hình thức phù hợp để Nhân dân biết và giám sát việc thực hiện.

**Điều 31. Hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư**

1. Hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư được tổ chức ít nhất 01 lần trong năm, vào thời điểm cuối năm hoặc thời gian phù hợp do Tổ trưởng tổ dân phố quyết định sau khi thống nhất với Ban Công tác Mặt trận ở tổ dân phố.

2. Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm triệu tập và chủ trì hội nghị. Trường hợp Tổ trưởng tổ dân phố vắng mặt thì việc chủ trì hội nghị được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy ước của cộng đồng dân cư.

Thành phần tham dự hội nghị gồm đại diện hộ gia đình hoặc công dân được mời tham dự theo quy định; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần).

Việc tổ chức hội nghị phải được thông báo công khai về thời gian, địa điểm, nội dung chương trình trước khi tiến hành theo quy định của Quy chế này.

3. Tại hội nghị, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm:

a) Báo cáo tình hình của cộng đồng dân cư; kết quả thực hiện các nội dung đã được cộng đồng dân cư bàn, quyết định và tổ chức thực hiện trong năm;

b) Thông tin về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ có liên quan trực tiếp đến cộng đồng dân cư;

c) Tiếp thu, ghi nhận ý kiến, kiến nghị, phản ánh của Nhân dân để xem xét, giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

4. Đại diện Ban Công tác Mặt trận ở tổ dân phố báo cáo kết quả thực hiện dân chủ ở cơ sở; kết quả hoạt động của Ban Công tác Mặt trận; tình hình giám sát, phản biện xã hội và phối hợp vận động Nhân dân thực hiện các phong trào, cuộc vận động tại cộng đồng dân cư.

5. Hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư phải được lập biên bản; trong đó ghi đầy đủ kết luận hội nghị, các ý kiến, kiến nghị của Nhân dân và kết quả biểu quyết (nếu có) để làm căn cứ tổ chức thực hiện và phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.

**Điều 32. Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của nhân dân**

1. Thông qua việc kiểm tra, giám sát trực tiếp, Nhân dân đánh giá mức độ hài lòng đối với hoạt động của Uỷ ban nhân dân phường, đối với cán bộ, công chức phường trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân.

2. Khi phát hiện hành vi, nội dung có dấu hiệu vi phạm, công dân có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật, hoặc kiến nghị, phản ánh đến chính quyền, cán bộ, công chức phường, Tổ trưởng Tổ dân phố, Ban công tác Mặt trận Tổ dân phố và các tổ chức, đoàn thể mà mình là thành viên, hội viên, đến đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc phản ánh, đề nghị Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng, tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật xem xét, thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Ban Thanh tra nhân dân phường, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thay mặt Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định tại Tiểu mục 2 và Tiểu mục 3 của Mục 4 (Nhân dân kiểm tra, giám sát) Chương II của Luật thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

**Điều 33. Trách nhiệm trong việc bảo đảm để Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát**

1. Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường, cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở phường, Tổ trưởng tổ dân phố, Ban Công tác Mặt trận ở tổ dân phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để Nhân dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát; tiếp nhận, xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm:

a) Tổ chức và duy trì các hình thức tiếp nhận ý kiến, kiến nghị, phản ánh của Nhân dân; tạo điều kiện để Nhân dân đánh giá mức độ hài lòng đối với hoạt động của chính quyền địa phương và việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức theo quy định;

b) Tiếp nhận, xem xét, giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; đối với những nội dung không thuộc thẩm quyền thì chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người có kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện Quy chế này; tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tạo điều kiện để Nhân dân thực hiện đầy đủ quyền kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

d) Tạo điều kiện để Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác của Nhân dân ở địa phương thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

đ) Kịp thời xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hành vi cản trở công dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát; hành vi trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Công dân có trách nhiệm thực hiện quyền kiểm tra, giám sát đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình; phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình xác minh, kiểm tra, giám sát; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin, tài liệu có liên quan khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

## Tiểu mục 2
## BAN THANH TRA NHÂN DÂN PHƯỜNG

### Điều 34. Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân phường

1. Ban Thanh tra nhân dân phường được thành lập theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ban Thanh tra nhân dân gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân được xác định phù hợp với quy mô dân số, điều kiện thực tế của địa phương và theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Ban Thanh tra nhân dân do Hội nghị đại biểu Nhân dân hoặc Hội nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường bầu theo quy định của pháp luật. Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Trường hợp thành viên Ban Thanh tra nhân dân không còn đủ điều kiện, có đơn xin thôi làm nhiệm vụ hoặc vì lý do khác không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thì việc miễn nhiệm, bầu bổ sung được thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Trưởng Ban Thanh tra nhân dân chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành hoạt động của Ban; phân công nhiệm vụ cho Phó Trưởng ban và các Ủy viên; chịu trách nhiệm trước Ủy ban Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và trước pháp luật về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

Phó Trưởng ban giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công; các Ủy viên thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và sự phân công của Trưởng ban.

### Điều 35. Tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân phường

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật và tự nguyện tham gia Ban Thanh tra nhân dân.

2. Là công dân thường trú trên địa bàn và không đồng thời là cán bộ, công chức phường, người hoạt động không chuyên trách ở phường, tổ dân phố.

### Điều 36. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân phường

1. Giám sát việc thực hiện các nội dung đã được Nhân dân bàn và quyết định; việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường, cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở phường và Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

2. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, xử lý khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật; đồng thời giám sát việc giải quyết, thực hiện các kiến nghị của mình theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân phường, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức và cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật.

4. Tiếp nhận, nghiên cứu các kiến nghị, phản ánh của công dân, cộng đồng dân cư; khảo sát, nắm tình hình, tổng hợp thông tin để phục vụ hoạt động giám sát và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

5. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Tổ trưởng tổ dân phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khắc phục những hạn chế, thiếu sót được phát hiện qua hoạt động giám sát; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; biểu dương, đề xuất khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

6. Được mời tham dự hoặc tham dự theo quy định của pháp luật các cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường và các cuộc họp khác có nội dung liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

7. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 37. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân phường**

1. Ban Thanh tra nhân dân phường hoạt động theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; chịu sự hướng dẫn, hỗ trợ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường trong việc tổ chức và thực hiện nhiệm vụ, đồng thời bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ chương trình công tác của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, yêu cầu thực tiễn của địa phương và nhiệm vụ được giao, Ban Thanh tra nhân dân xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện theo quy định; chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả hoạt động với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường; kiến nghị những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ ở cơ sở và hoạt động giám sát của Nhân dân.

4. Ban Thanh tra nhân dân được mời tham dự hoặc tham dự theo quy định của pháp luật các cuộc họp của Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các cuộc họp khác có nội dung liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân; được cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

**Điều 38. Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân phường**

2. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm:

a) Cung cấp hoặc chỉ đạo các cơ quan, bộ phận chuyên môn cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật để Ban Thanh tra nhân dân thực hiện nhiệm vụ giám sát;

b) Thông tin cho Ban Thanh tra nhân dân về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các nội dung có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ của Ban Thanh tra nhân dân;

c) Xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân; thông báo kết quả giải quyết theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Ban Thanh tra nhân dân thực hiện nhiệm vụ; thực hiện các biện pháp bảo vệ thành viên Ban Thanh tra nhân dân khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

đ) Kịp thời xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hành vi cản trở hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban Thanh tra nhân dân hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến hoạt động của Ban.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn việc thành lập, kiện toàn Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật; công nhận kết quả bầu Ban Thanh tra nhân dân và thông báo đến các cơ quan, tổ chức có liên quan;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ Ban Thanh tra nhân dân xây dựng chương trình, kế hoạch công tác; theo dõi, đôn đốc, phối hợp và tạo điều kiện để Ban Thanh tra nhân dân thực hiện nhiệm vụ theo quy định;

c) Tiếp nhận, xem xét các báo cáo, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân; đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết các kiến nghị theo quy định của pháp luật;

d) Tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia, phối hợp, hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

đ) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân phường bảo đảm kinh phí, điều kiện hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở, pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

## Tiểu mục 3
## BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

### Điều 39. Tổ chức Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường quyết định thành lập để thực hiện giám sát đối với từng chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), chương trình, dự án sử dụng vốn và sự đóng góp của cộng đồng dân cư hoặc các chương trình, dự án khác thuộc đối tượng giám sát theo quy định của pháp luật.

Thành phần Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng gồm đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, đại diện Ban Thanh tra nhân dân (nếu có), đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, đại diện Nhân dân tại địa bàn nơi thực hiện chương trình, dự án và các thành viên khác theo quy định của pháp luật. Số lượng thành viên do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường quyết định, bảo đảm phù hợp với quy mô, tính chất của từng chương trình, dự án.

Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ giám sát, có báo cáo kết quả và thực hiện các thủ tục kết thúc hoạt động theo quy định.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên.

Trưởng ban chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành hoạt động của Ban; phân công nhiệm vụ cho Phó Trưởng ban và các Ủy viên; chịu trách nhiệm trước Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và trước pháp luật về kết quả hoạt động của Ban.

Phó Trưởng ban giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công; các Ủy viên thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và sự phân công của Trưởng ban.

**Điều 40. Tiêu chuẩn thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan, công tâm, có uy tín trong cộng đồng dân cư;

b) Có đủ sức khỏe, năng lực và điều kiện để tham gia thực hiện nhiệm vụ giám sát;

c) Có hiểu biết hoặc kinh nghiệm trong các lĩnh vực có liên quan đến nội dung giám sát của chương trình, dự án đầu tư;

d) Tự nguyện tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng phải là công dân cư trú trên địa bàn phường; không là cán bộ, công chức trực tiếp tham gia quản lý, tổ chức thực hiện chương trình, dự án được giám sát; không có quyền, lợi ích liên quan trực tiếp hoặc thuộc trường hợp có xung đột lợi ích với chủ đầu tư, nhà thầu, đơn vị tư vấn hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan đến chương trình, dự án theo quy định của pháp luật.

3. Việc lựa chọn, công nhận thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng phải bảo đảm tính khách quan, độc lập, công khai, minh bạch và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có các nhiệm vụ sau đây:

a) Theo dõi, giám sát việc thực hiện chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn phường; giám sát sự phù hợp của chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch phát triển và các quy định của pháp luật; việc công khai thông tin, tiến độ thực hiện, việc sử dụng đất, giải phóng mặt bằng, tái định cư, bảo vệ môi trường và các nội dung khác thuộc phạm vi giám sát theo quy định của pháp luật;

b) Đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng nguồn vốn của cộng đồng dân cư, ngân sách phường hoặc nguồn tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thực hiện giám sát việc tuân thủ quy trình, quy phạm kỹ thuật, chất lượng công trình, chủng loại và định mức vật tư, kết quả nghiệm thu, bàn giao, quyết toán công trình theo quy định của pháp luật;

c) Phát hiện, phản ánh những hành vi gây thất thoát, lãng phí, vi phạm quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến chất lượng công trình, môi trường, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cộng đồng dân cư và Nhân dân trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có các quyền hạn sau đây:

a) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật;

b) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư giải trình, trả lời các nội dung thuộc phạm vi giám sát theo quy định của pháp luật;

c) Tiếp nhận ý kiến, kiến nghị, phản ánh của Nhân dân liên quan đến chương trình, dự án đầu tư; tổng hợp, chuyển đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết và thông tin kết quả theo quy định;

d) Kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khắc phục những tồn tại, hạn chế, xử lý các hành vi vi phạm được phát hiện qua hoạt động giám sát;

đ) Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc hành vi gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc cộng đồng dân cư, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có quyền phản ánh, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý; trường hợp cần thiết, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định việc tạm dừng hoặc đình chỉ thực hiện chương trình, dự án theo quy định của pháp luật.

**Điều 42. Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng hoạt động theo quy định của pháp luật; chịu sự hướng dẫn, hỗ trợ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đồng thời bảo đảm tính khách quan, độc lập trong hoạt động giám sát.

2. Căn cứ hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, nội dung, phạm vi giám sát của từng chương trình, dự án và quy định tại Điều 40 của Quy chế này, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát và tổ chức thực hiện; chủ động phối hợp với chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm định kỳ hoặc khi có yêu cầu báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường; đồng thời kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, xử lý những tồn tại, hạn chế, vi phạm (nếu có) được phát hiện qua hoạt động giám sát.

4. Trưởng Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được mời tham dự hoặc tham dự theo quy định của pháp luật các cuộc họp của Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các cuộc họp khác có nội dung liên quan trực tiếp đến chương trình, dự án thuộc phạm vi giám sát; được cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

**Điều 43. Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường có trách nhiệm:

a) Chủ trì việc thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đối với từng chương trình, dự án thuộc đối tượng giám sát theo quy định của pháp luật; hướng dẫn việc kiện toàn, thay đổi thành viên (nếu có) và công nhận kết quả theo quy định;

b) Thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các cơ quan, tổ chức có liên quan về việc thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và kế hoạch giám sát; thông báo đến Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường và Nhân dân trên địa bàn theo quy định;

c) Hướng dẫn, hỗ trợ Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát; theo dõi, đôn đốc, tạo điều kiện để Ban thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

d) Tiếp nhận, xác nhận và chuyển các kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết và thông báo kết quả theo quy định;

đ) Tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia giám sát đầu tư của cộng đồng; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

e) Bảo đảm kinh phí và các điều kiện hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở, pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm:

a) Phối hợp, tạo điều kiện về địa điểm, phương tiện làm việc và các điều kiện cần thiết khác để Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện nhiệm vụ;

b) Phối hợp với chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động giám sát của Ban theo quy định của pháp luật;

c) Xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; thông báo kết quả giải quyết theo quy định của pháp luật;

d) Xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi cản trở hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến chương trình, dự án theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động giám sát;

b) Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định của pháp luật;

c) Tiếp thu, xem xét, giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; thông báo kết quả giải quyết, khắc phục (nếu có) theo quy định của pháp luật.

## Mục 5
## THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG QUAN HỆ VÀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC VỚI CÔNG DÂN, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

**Điều 44. Quan hệ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường với cơ quan cấp trên**

1. Chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra, giám sát và hướng dẫn của cơ quan nhà nước cấp trên; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của pháp luật.

2. Chủ động phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật và các biện pháp chỉ đạo, điều hành không còn phù hợp.

3. Tham gia góp ý đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách và các nội dung khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Báo cáo trung thực, khách quan, đầy đủ tình hình thực hiện nhiệm vụ; đối với những vấn đề vượt thẩm quyền phải kịp thời báo cáo, đề xuất và xin ý kiến chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 45. Quan hệ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường với Tổ trưởng Tổ dân phố**

1. Thông tin kịp thời cho Tổ trưởng Tổ dân phố về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nội dung liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng Tổ dân phố.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tạo điều kiện để Tổ trưởng Tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

3. Kịp thời xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị, đề xuất của Tổ trưởng Tổ dân phố.

4. Định kỳ hoặc khi cần thiết làm việc với Tổ trưởng Tổ dân phố để nắm tình hình, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

**Điều 46. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan, đơn vị, tổ chức**

1. Chỉ đạo việc công khai đầy đủ, kịp thời tại trụ sở, trên Trang thông tin điện tử hoặc các hình thức phù hợp theo quy định đối với:

a. Thủ tục hành chính;

b. Thành phần hồ sơ, trình tự, cách thức thực hiện;

c. Thời hạn giải quyết;

d. Phí, lệ phí (nếu có);

đ. Cơ quan, bộ phận và người có thẩm quyền giải quyết;

e. Các nội dung khác phải công khai theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo, kiểm tra việc giải quyết thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân, cơ quan, đơn vị, tổ chức theo đúng quy định; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với cán bộ, công chức có hành vi vi phạm, gây phiền hà, sách nhiễu, chậm trễ hoặc thiếu trách nhiệm trong thi hành công vụ.

3. Tổ chức thực hiện công tác tiếp công dân; tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

4. Tạo điều kiện để công dân, cơ quan, đơn vị, tổ chức tham gia góp ý đối với các chủ trương, chương trình, kế hoạch, dự án và các nội dung thuộc phạm vi phải lấy ý kiến theo quy định của pháp luật.

5. Chỉ đạo thực hiện văn hóa công sở, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giải quyết công việc, bảo đảm công khai, minh bạch, thuận tiện và đúng thời hạn.

**Điều 47. Trách nhiệm của cán bộ, công chức trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan, đơn vị, tổ chức**

1. Tiếp nhận, hướng dẫn và giải quyết công việc thuộc thẩm quyền đúng trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp nội dung yêu cầu không thuộc thẩm quyền giải quyết thì phải hướng dẫn đầy đủ để công dân, cơ quan, đơn vị, tổ chức liên hệ đúng cơ quan có thẩm quyền; không được gây phiền hà hoặc từ chối hướng dẫn.

3. Thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ; có thái độ tôn trọng, lắng nghe, tận tình hướng dẫn; không được quan liêu, hách dịch, cửa quyền, sách nhiễu, tham nhũng, tiêu cực hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi.

4. Bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật đời tư, dữ liệu cá nhân và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp việc giải quyết công việc phải kéo dài hoặc chưa thể hoàn thành đúng thời hạn thì phải báo cáo người có thẩm quyền và thông báo cho công dân, cơ quan, đơn vị, tổ chức biết theo quy định của pháp luật.

## Chương III
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 43. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm**

1. Tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này trên địa bàn phường; bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo việc công khai thông tin; tổ chức để Nhân dân tham gia bàn, quyết định, tham gia ý kiến, kiểm tra, giám sát các nội dung theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan; giữ mối liên hệ chặt chẽ với Nhân dân và cộng đồng dân cư trên địa bàn phường.

3. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động Nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở; tạo điều kiện để Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

4. Tiếp nhận, xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; các kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội; thông báo kết quả giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Kịp thời báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với những nội dung vượt thẩm quyền giải quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Quy chế và báo cáo theo quy định.

6. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 44. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường**

1. Phối hợp với Ủy ban nhân dân phường tuyên truyền, phổ biến, vận động Nhân dân thực hiện Quy chế này, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư và các quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; phát động, hưởng ứng các phong trào thi đua gắn với việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

2. Phối hợp, hướng dẫn và tạo điều kiện để Nhân dân thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội; thực hiện quyền bàn, quyết định, tham gia ý kiến, kiểm tra và giám sát theo quy định của Quy chế này và pháp luật.

3. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội; hướng dẫn, hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật; phối hợp với Ủy ban nhân dân phường trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

4. Tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, kiến nghị, phản ánh của Nhân dân liên quan đến việc thực hiện Quy chế; chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật; giám sát việc giải quyết và thông tin kết quả đến Nhân dân khi cần thiết.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở, pháp luật về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 45. Trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội phường**

1. Tuyên truyền, phổ biến, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Quy chế này; nâng cao nhận thức, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức thực hiện Quy chế này; tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở; tham gia giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

3. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân theo quy định của pháp luật.

4. Tập hợp, phản ánh ý kiến, kiến nghị của đoàn viên, hội viên và Nhân dân đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; phối hợp theo dõi, giám sát việc giải quyết các kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật.

**Điều 46. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế thực hiện dân chủ**

Trong quá thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, Tổ trưởng tổ dân phố báo cáo UBND phường (qua phòng Văn hóa - Xã hội) để xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế theo quy định.

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế được thực hiện theo trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định pháp luật có liên quan./.